



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN (PHỤ LỤC SỐ 1)

LIST OF ACCREDITED TESTS (ANNEX No. 1)

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 11 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng thử nghiệm
Laboratory:	Laboratory
Tổ chức/Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH Giám định PROQC Việt Nam
Organization:	The Vietnam PROQC Inspection Company limited
Số hiệu/ Code:	VILAS 1459
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực :	Hóa
Field:	Chemical
Người quản lý:	Vũ Thị Dung
Laboratory manager:	Vu Thi Dung
Hiệu lực công nhận/ Period of Validation:	Từ ngày /11/2025 đến ngày 17/10/2030
Địa chỉ/ Address:	Tầng 2, tòa nhà Goldenwest, Số 2 Lê Văn Thiêm, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội 2nd Floor, Goldenwest Building, No.2 Le Van Thiem, Thanh xuân Ward, Hanoi
Địa điểm/Location:	Ô số 3, Lô A'1, KĐT mới Cao Xanh- Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam Lot No. 3, Block A'1, Cao Xanh - Ha Khanh A New Urban Area, Cao Xanh Ward, Quang Ninh Province
Điện thoại/ Tel:	0904617828
Email:	Vilas1459.Proqc@gmail.com
Website:	http://www.proqc.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1459

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Than đá, cốc <i>Hard coal, coke</i>	Xác định độ ẩm toàn phần Phương pháp A2, B2 <i>Determination of total moisture A2, B2 method</i>		TCVN 172:2019 ISO 589:2008 ASTM D3302/ D3302M-22
2.		Xác định độ ẩm trong mẫu phân tích <i>Determination of Moisture in the analysis sample</i>		TCVN 4919:2007 ISO 687:2024 ASTM D3173/D3173M-17a
3.		Xác định hàm lượng ẩm. Phương pháp làm khô trong nitơ <i>Determination of moisture content Drying method in nitrogen</i>		TCVN 11152:2015 ISO 11722:2013
4.		Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash content</i>		TCVN 173:2011 ISO 1171:2024 ASTM D3174-12 (2018)e1
5.		Xác định hàm lượng chất bốc <i>Determination of volatile matter content</i>	0.70%	TCVN 174:2011 ISO 562:2024 ASTM D3175-20
6.		Xác định trị số toả nhiệt toàn phần Phương pháp bom đo nhiệt lượng và tính giá trị toả nhiệt thực <i>Determination of gross calorific value Calorimeter bomb method and calculation of net calorific value.</i>	(52~8500) cal/g	TCVN 200:2011 ISO 1928:2025 ASTM D5865-19 (2019)
7.		Xác định hàm lượng lưu huỳnh Phương pháp đo phổ hồng ngoại (IR) <i>Determination of sulfur content IR spectrometry method</i>	Đến/to: 10%	TCVN 8622:2010 ISO 19579:2006 ASTM D 4239- 18e1(2018)
8.		Phân tích cỡ hạt bằng sàng <i>Size analysis by sieving</i>	Đến/to: 100 mm	TCVN 251:2018 ISO 1953:2015
9.	Dăm gỗ <i>Wood chip</i>	Xác định quy cách <i>Particle size wood fuels</i>	Đến/to: 45mm	SCAN CM 40: 2001 Proqc.vn/Q.04/2024
10.		Xá định độ ẩm toàn phần <i>Determination of Total moisture</i>		SCAN CM 39:1994 Proqc.vn/Q.04/2024

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1459

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
11.	Viên nén gỗ <i>Wood pellet</i>	Xác định chiều dài, đường kính <i>Determination of length and diameter</i>	0.01 mm	ISO 17829:2015
12.	Nhiên liệu sinh khối rắn (than củi, viên nén) <i>Solid biomass fuel (charcoal, wood pellet)</i>	Xác định tỷ khối <i>Determination of bulk density</i>		ISO 17828: 2025
13.		Xác định độ ẩm toàn phần Phương pháp trọng tải <i>Determination of Total moisture content Reference method</i>		ISO 18134-1:2022
14.		Xác định độ ẩm toàn phần Phương pháp rút gọn <i>Determination of Total moisture content Simplified method</i>		ISO 18134-2:2024
15.		Xác định hàm lượng độ ẩm trong mẫu thử phân tích chung <i>Determination of moisture in the general analysis</i>		ISO 18134-3:2023
16.		Xác định giá trị trị số tỏa nhiệt toàn phần. <i>Determination of calorific value</i>	(52~8500) cal/g	ISO 18125: 2017
17.		Xác định hàm lượng tro <i>Determination of ash content</i>	Đến/to: 45 %	ISO 18122: 2022
18.		Xác định hàm lượng chất bốc <i>Determination of volatile matter</i>		ISO 18123:2023
19.		Xác định hàm lượng Lưu huỳnh Phương pháp đo phổ hồng ngoại (IR). <i>Determination of sulfur content IR spectrometry method</i>	0,020%	ISO 16994:2016
20.		Chuẩn bị mẫu phân tích <i>Preparation of test samples</i>		ISO 13909-4:2025 TCVN 1693:2008

Ghi chú/Note:

- ASTM: American Society for Testing and Materials
- International Organization for Standardization
- Scandinavian Pulp, Paper and Board Testing Committee (SCAN-test)
- TCVN: tiêu chuẩn Việt Nam
- Proqc.vn: phương pháp thử nội bộ PTN/*Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty TNHH Giám định PROQC Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Công ty TNHH Giám định PROQC Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the The Vietnam PROQC Inspection Company limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

